TÒA ÁNNHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 361/2019/HS-ST.
Ngày 07-8-2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA-TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Loan Trần Hải Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Minh Đức.

Bà Phạm Thị Giàu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Học – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 291/2019/TLST-HS ngày 17 tháng 6 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 360/2019/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

Thái Văn T, Sinh năm 1990 (tên gọi khác: Bùi K)

Nơi cư trú: A4/266, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 1/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Q tịch: Việt Nam; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): không; Con ông Thái Văn Đ, sinh năm 1948 và bà Nguyễn Thị Nsinh năm 1956. Có vợ là Phạm Thị Tuyết H, sinh năm 1993 và có 02 con sinh năm 2010 và 2014.

Tiền án: không.

Tiền sự:

+ Ngày 15/05/2017, bị Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B xử phạt hành chính về hành vi "Gây thương tích cho thành viên trong gia đình".

+ Ngày 08/08/2017, bị Ủy ban nhân dân phường T xử phạt hành chính về hành vi "sử dụng trái phép chất ma túy".

+ Ngày 08/8/2017, bị Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, xử phạt hành chính về hành vi "có lời nói thô bạo, xúc phạm danh dự nhân phẩm của người khác".

+ Ngày 12/9/2017, bị Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B áp dụng biện pháp giáp dục tại xã phường thời hạn 03 tháng.

+ Ngày 23/09/2017, bị Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B xử phạt hành chính về hành vi "Trộm cắp tài sản".

+ Ngày 30/03/2018, bị Công an phường T, thành phố B xử phạt hành chính về hành vi "Gây mất trật tự khu dân cư".

+ Ngày 02/04/2018, bị Công an phường T, thành phố B xử phạt hành chính về hành vi "Gây thương tích cho thành viên trong gia đình".

Nhân thân: Ngày 20/3/2012, bị Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Dương xử phạt 03 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích" theo bản án số 86/2012/HSST.

Ngoài ra, ngày 28/9/2018, Thái Văn T bị Tòa án nhân dân Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/6/2018 về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án bản án số 117/2018/HS-ST ngày 28-9-2018. Bị cáo đang chấp hành bản án trên tại trại giam Xuân Lộc - Bộ Công an. (Bị cáo có mặt)

- *Bị hại:*

1/ Anh **Nguyễn Công M**, sinh năm 1978. Địa chỉ: A4/53B, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

2/ Chị **Trần Thị Tuyết H**, sinh năm 1960. Địa chỉ: A2/9, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thái Văn T là người không có nghề nghiệp. Để có tiền tiêu xài, T đã nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản của người khác. Từ ngày 28/11/2017 đến ngày 14/06/2018, T đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Vụ 01: Ngày 28/11/2017, T đi bộ đến khu vực lò gạch thuộc khu phố A, phường T, thành phố B thì phát hiện 01 xe mô tô hiệu Max, biển số: 39F1-1917 và 01 chiếc máy hàn hiệu HP của anh Nguyễn Công M, ngụ tại: A4/53B, khu phố A, phường T, thành phố B để trong lò gạch không có ai trông coi nên T đã lấy trộm chiếc xe mô tô và chiếc máy hàn trên rồi đem đi cất giấu tại khu vực lò gạch "Tâm Phương" thuộc khu phố A, phường T, thành phố B. Sau đó, T gọi điện thoại cho anh Nguyễn Thành L, ngụ tại A3/312C, khu phố 3, phường T, thành phố B (là bạn của T) để bán chiếc xe mô tô trên nhưng anh L không mua nên T nhờ anh L đi bán chiếc máy hàn thì anh L đồng ý. T hẹn anh L đến khu vực lò gạch thuộc khu phố 4, phường T và giao chiếc máy hàn cho anh L rồi anh

L đã đem bán cho anh Dương Thượng Q, ngụ tại A3/55, khu phố 3, phường T, thành phố B được 800.000đ (Tám trăm ngàn đồng). Số tiền này anh L và T cùng tiêu xài hết.

Tại bản kết luận định giá số 379/TCKH-HĐĐG ngày 31/12/2018, của Hội đồng định giá tài sản thành phố Biên Hòa kết luận: "01 xe mô tô hiệu Max, biển số 39F1-1917 có giá trị định giá là 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm ngàn đồng), 01 chiếc máy hàn hiệu HP có giá trị định giá là 1.540.000 đồng (Một triệu năm trăm bốn mươi ngàn đồng".

Vật chứng của vụ án: 01 xe mô tô hiệu Max, biển số: 39F1-1917 và 01 chiếc máy hàn hiệu HP Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã thu hồi và trả lại cho anh Nguyễn Công M.

Về dân sự: Anh Nguyễn Công M không yêu cầu bồi thường.

Vụ 02: Khoảng 09 giờ ngày 14/06/2018, T đi bộ ngang qua nhà số A3/175, Khu phố 3, phường T, thành phố B thì phát hiện 01 chiếc xe mô tô hiệu Lucky, biển số: 60H4-2493 của chị Trần Thị Tuyết H, ngụ tại A2/9, Khu phố 2, phường T, thành phố B đang dựng trước cổng không có người trông coi và chìa khóa xe vẫn còn cắm trên ổ khóa nên T đi vào lấy trộm chiếc xe mô tô trên rồi khởi động máy điều khiển xe chạy thoát. Sau đó, T điều khiển xe mô tô trên đi đến "Chùa Hội Sơn" thuộc phường Long Bình, Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh trộm cắp tài sản thì bị Công an phường Long Bình, Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh phát hiện bắt giữ và lập hồ sơ chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh điều tra, xử lý. Qua truy xét, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh đã chuyển hồ sơ vụ trộm cắp xe mô tô trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa điều tra, xử lý.

Tại bản kết luận định giá số 439/TCKH-HĐĐG ngày 05/12/2018, của Hội đồng định giá tài sản thành phố Biên Hòa kết luận: "01 xe mô tô hiệu Lucky, biển số: 60H4-2493 có giá trị định giá là 3.762.000 đồng (Ba triệu bảy trăm sáu mươi hai ngàn đồng)".

Vật chứng của vụ án: 01 chiếc xe mô tô hiệu 01 xe mô tô hiệu Lucky, biển số: 60H4-2493 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã thu hồi và trả lại cho chị Trần Thị Tuyết H.

Về dân sự: chị Trần Thị Tuyết H không yêu cầu bồi thường.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại không có ý kiến hay khiếu nại đối với Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND thành phố Biên Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa không có ý kiến đối với Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND thành phố Biên Hòa.

Bản cáo trạng số: 286/CT-VKSBH ngày 06/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố bị cáo Thái Văn T về tội "Trộm cắp tài sản"theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa trình bày lời luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Thái Văn T từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù.

Bị cáo không nói lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra Công an thành phố Biên Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, với lời khai của người bị hại, người làm chứng các chứng cứ khác có tại hồ sơ và cáo trạng mô tả. Từ đó đã có đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 28/11/2017 đến ngày 14/06/2018, Thái Văn T đã thực hiện hành vi trộm cắp của anh Nguyễn Công M 01 xe mô tô hiệu Max, biển số 39F1-1917 có giá trị định giá là 4.500.000 đồng, 01 chiếc máy hàn hiệu HP có giá trị định giá là 1.540.000 đồng và trộm cắp của chị Trần Thị Tuyết H 01 xe mô tô hiệu Lucky, biển số: 60H4-2493 có giá trị định giá là 3.762.000 đồng thì bị khởi tố để điều tra, xử lý. Tổng giá trị tài sản mà T đã trộm cắp là 9.802.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như cáo trạng đã truy tố là có căn cứ.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Nên cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3]Về tình tiết tăng nặng: Phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định: *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng*

đến 50.000.000 đồng". Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thì bị cáo không có việc làm, không có thu nhập, bị cáo nghiện ma túy. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

- 01 xe mô tô hiệu Max, biển số: 39F1-1917 và 01 chiếc máy hàn hiệu HP Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã thu hồi và trả lại cho anh Nguyễn Công M nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- 01 chiếc xe mô tô hiệu 01 xe mô tô hiệu Lucky, biển số: 60H4-2493 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã thu hồi và trả lại cho chị Trần Thị Tuyết H nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Công M và chị Trần Thị Tuyết H đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Đối với anh Nguyễn Thành L đã đem bán dùm T 01 chiếc máy hàn hiệu Hp nhưng không biết là tài sản do T phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa không xử lý hình sự là phù hợp.

Đối với anh Dương Thượng Q đã mua 01 chiếc máy hàn hiệu Hp nhưng không biết là tài sản do T phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa không xử lý hình sự là phù hợp. Đối với số tiền 800.000 đồng anh Q đã mua chiếc máy hàn, anh Q không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[9] Tại thời điểm xét xử ngày 07-8-2019, bản án số 117/2018/HS-ST ngày 28-9-2018 của Tòa án nhân dân Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo Thái Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 15/6/2018 đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt của nhiều bản án, buộc bị cáo Thái Văn T phải chấp hành hình phạt chung của nhiều bản án.

[10] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Thái Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản";

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 56 Bộ luật hình sự;

Xử phạt **bị cáo Thái Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 15/6/2018**. Tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù của bản án số 117/2018/HS-ST ngày 28-9-2018 của Tòa án nhân dân Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh, **buộc bị cáo Thái Văn T phải chấp hành hình phạt chung của nhiều bản án là 03 (ba) năm tù, thời**

hạn tù được tính từ ngày 15/6/2018.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Biên Hòa (2);
- Nhà tạm giữ Công an TP.Biên Hòa (1);
- Thi hành án hình sự (6);
- Bị cáo (1);
- Bị hại (2);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Loan Trần Hải Yến